

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦY NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 09 - 6 - 2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Huân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Đức Khoa

Ông Doãn Văn Sáng

**- Thư ký phiên toà:** Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Chu Thị T; nơi cư trú: Tổ 14, khu 3, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Hồ Xuân M; nơi cư trú: Thôn T, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Quảng Ninh. Vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Chị Chu Thị T là nguyên đơn, khởi kiện với nội dung: Chị và anh Hồ Xuân M kết hôn trên cơ sở tình cảm tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 23 tháng 6 năm 2008. Sau lễ cưới, vợ chồng về chung sống cùng nhau. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận và có 02 con chung, đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng trong sinh hoạt, anh M đi làm công nhân và làm theo ca, không có thời gian cố định nên có sự thiếu quan tâm chăm sóc gia đình. Đến năm 2017, anh M vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Quảng Ninh. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Chu Thị T đề nghị được ly hôn với anh Hồ Xuân

M. Chị và anh M có hai con chung tên Hồ Thanh H, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2009 và Hồ Ngọc Như Q, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2012. Khi ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không đề nghị anh M cấp dưỡng nuôi con. Chị và anh M không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13 tháng 5 năm 2022, bị đơn là anh Hồ Xuân M trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với chị Chu Thị T. Về con chung, anh Hồ Xuân M đồng ý để chị Chu Thị T được trực tiếp nuôi hai con là Hồ Thanh H và Hồ Ngọc Như Q, vợ chồng tự thỏa thuận với nhau về việc cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung nên anh Hồ Xuân M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên đã tuân theo đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Chu Thị T được ly hôn anh Hồ Xuân M; đề nghị giao các con Hồ Thanh H và Hồ Ngọc Như Q cho chị Chu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nguyên đơn nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng**

Nguyên đơn là chị Chu Thị T, bị đơn là anh Hồ Xuân M đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

#### **[2] Về yêu cầu của chị Chu Thị T ly hôn với anh Hồ Xuân M**

Chị Chu Thị T và anh Hồ Xuân M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh M là hôn nhân hợp pháp. Tại bản tự khai và tại các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn giữ nguyên đề nghị được ly hôn với anh Hồ Xuân M. Bị đơn thống nhất quan điểm đồng ý ly hôn với chị Chu Thị T do xác định mâu thuẫn vợ chồng là có tồn tại, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Giữa vợ và chồng không còn sự yêu thương, quan tâm và chia sẻ cùng nhau. Từ những căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh M đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xin ly hôn anh M.

#### **[3] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con**

Chị Chu Thị T và anh Hồ Xuân M có 02 con chung tên Hồ Thanh H, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2009 và Hồ Ngọc Như Q, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2012. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung. Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định: Kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, các con chung đều ở cùng với chị Chu Thị T, được chăm sóc, học tập và phát triển bình thường. Các con có nguyện vọng được ở cùng với chị Chu Thị T. Bản thân anh Hồ Xuân M xác định đang phải chấp hành án phạt tù không thể thực hiện việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đồng ý để chị Chu Thị T tiếp tục nuôi các con. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con và quy định của pháp luật, điều kiện hoàn cảnh thực tế của các đương sự, Hội đồng xét xử xét giao cho chị Chu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên Hồ Thanh H và Hồ Ngọc Như Q là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Chu Thị T không đề nghị anh Hồ Xuân M cấp dưỡng nuôi con và không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, chị Chu Thị T và anh Hồ Xuân M thống nhất khai không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

[5] Về án phí, chị Chu Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Chu Thị T được ly hôn với anh Hồ Xuân M.

2. Về con chung: Giao cho chị Chu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hồ Thanh H, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2009 và Hồ Ngọc Như Q, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2012 cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Các đương sự tạm thời không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí: Chị Chu Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0007716 ngày 28/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Chu Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Chu Thị T, anh Hồ Xuân M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND phường Yết Kiêu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh;  
(giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/6/2008)
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huân**